

CHÍNH PHỦ
Số: 84/2006/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2006

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính
trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 26 tháng 02 năm 1998, Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 28 tháng 04 năm 2000 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 29 tháng 04 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 07 năm 2002;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức; xử phạt vi phạm hành chính, bồi thường thiệt hại đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
2. Người có thẩm quyền và trách nhiệm xử lý việc bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật và xử phạt vi phạm hành chính trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 3. Áp dụng quy định về bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật và xử phạt vi phạm hành chính

1. Cán bộ, công chức, viên chức vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thi hành công vụ gây lãng phí, phải bồi thường thiệt hại và bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Chương II Nghị định này.

Người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong cơ quan, tổ chức nhà nước vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thi hành công vụ phải bồi thường thiệt hại và bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Hợp đồng lao động.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân (bao gồm cả cán bộ, công chức, viên chức không trong thi hành công vụ) có hành vi vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, bị xử phạt vi phạm hành chính và phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại Chương III Nghị định này.

Điều 4. Trách nhiệm của người có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Người có thẩm quyền xử lý việc bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính mà chậm trễ hoặc không tiến hành các thủ tục liên quan đến bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính thì bị xử lý kỷ luật theo quy định của Pháp lệnh Cán bộ, công chức.

Điều 5. Thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phạt vi phạm hành chính, tiền bồi thường thiệt hại

1. Việc quản lý và sử dụng tiền phạt vi phạm hành chính thực hiện theo Nghị định số 124/2005/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về biên lai thu tiền phạt

và quản lý, sử dụng tiền nộp phạt vi phạm hành chính.

2. Tiền bồi thường thiệt hại phải được thu đúng, thu đủ và được sử dụng để chi cho việc xác định số tiền bồi thường thiệt hại, phần còn lại được hoàn trả cho cơ quan, tổ chức bị thiệt hại hoặc ngân sách nhà nước.

Chương II

BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI, XỬ LÝ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Mục 1

BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 6. Nguyên tắc bồi thường thiệt hại

1. Thiệt hại phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời.
2. Số tiền bồi thường thiệt hại được xác định trên cơ sở thiệt hại thực tế do hành vi lãng phí gây ra.
3. Việc xét bồi thường phải được thực hiện công bằng, công khai, khách quan và chính xác.
4. Bồi thường được thực hiện bằng đồng tiền Việt Nam.

Điều 7. Xác định số tiền bồi thường thiệt hại

1. Đối với những lĩnh vực đã có định mức, tiêu chuẩn, chế độ hoặc dự toán được duyệt, số tiền bồi thường thiệt hại được xác định căn cứ vào chênh lệch tính thành tiền giữa định mức, tiêu chuẩn, chế độ hoặc dự toán được duyệt với thực tế thực hiện và chi phí khắc phục hậu quả.
2. Đối với các trường hợp khác, số tiền bồi thường thiệt hại được xác định bằng chi phí thực tế do hành vi lãng phí gây ra và chi phí khắc phục hậu quả.

Điều 8. Xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại

1. Trường hợp hành vi lãng phí do một người thực hiện thì người đó phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại.
2. Trường hợp hành vi lãng phí do từ hai người trở lên thực hiện thì những người đó phải cùng chịu trách nhiệm bồi thường. Trách nhiệm bồi thường được xác định tương ứng với mức độ trách nhiệm và vi phạm của từng người; trường hợp không xác định được mức độ trách nhiệm và vi phạm của từng người thì trách nhiệm bồi thường được chia đều cho từng người.

Điều 9. Thẩm quyền ra quyết định về bồi thường thiệt hại

1. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi xảy ra lãng phí có thẩm quyền ra quyết định về bồi thường thiệt hại.
2. Trường hợp đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thì người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp có thẩm quyền ra quyết định về bồi thường thiệt hại.

Điều 10. Thành lập Hội đồng bồi thường thiệt hại

1. Trong vòng 30 ngày, kể từ khi phát hiện ra hành vi gây lãng phí, nếu thấy cần thiết người có thẩm quyền ra quyết định bồi thường có thể thành lập Hội đồng bồi thường thiệt hại (dưới đây gọi là Hội đồng) để xem xét, giải quyết việc bồi thường thiệt hại.
2. Thành phần Hội đồng gồm:
 - a) Người có thẩm quyền ra quyết định về bồi thường thiệt hại quy định tại Điều 9 Nghị định này làm Chủ tịch Hội đồng;
 - b) Đại diện lãnh đạo tổ chức công đoàn cùng cấp làm Ủy viên;
 - c) Người phụ trách bộ phận tài chính, kế toán làm Ủy viên;
 - d) Người phụ trách đơn vị trực tiếp của người phải bồi thường làm Ủy viên (nếu có);
 - đ) Một chuyên gia về kinh tế, kỹ thuật làm Ủy viên (nếu cần).
3. Không bố trí người vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đang bị xem xét, xử lý bồi thường vào thành phần Hội đồng của vụ vi phạm đó.

4. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

5. Chi phí cho việc xác định số tiền bồi thường thiệt hại được tính vào chi phí khắc phục hậu quả quy định tại Điều 7 Nghị định này.

Điều 11. Trách nhiệm của Hội đồng

1. Chậm nhất sau 10 ngày, kể từ khi Hội đồng được thành lập, Chủ tịch Hội đồng phải tổ chức cuộc họp để xem xét việc bồi thường thiệt hại do hành vi lãng phí gây ra.

2. Hội đồng có trách nhiệm xem xét và đưa ra kiến nghị về:

a) Hành vi vi phạm;

b) Đánh giá mức thiệt hại thực tế do hành vi vi phạm gây ra;

c) Xác định trách nhiệm của từng cá nhân;

d) Kiến nghị với người có thẩm quyền ra quyết định bồi thường thiệt hại về số tiền và phương thức bồi thường thiệt hại cụ thể đối với từng cá nhân.

3. Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày thành lập, Hội đồng phải có văn bản kiến nghị với người có thẩm quyền để ra quyết định về bồi thường thiệt hại đối với từng cá nhân gây ra lãng phí. Trường hợp phức tạp thì chậm nhất không quá 90 ngày, kể từ ngày thành lập, Hội đồng phải có văn bản kiến nghị với người có thẩm quyền ra quyết định về bồi thường thiệt hại.

4. Trường hợp sau khi đã quyết định về số tiền phải bồi thường mà phát hiện những tình tiết mới làm thay đổi lỗi, mức độ vi phạm và số tiền bồi thường thiệt hại đã kết luận trước đó thì người có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, quyết định lại số tiền bồi thường.

Điều 12. Ra quyết định về bồi thường thiệt hại

1. Trường hợp có thành lập Hội đồng thì trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của Hội đồng, người có thẩm quyền quy định tại Điều 9 Nghị định này phải ra quyết định về bồi thường thiệt hại.